

DANH MỤC KHU VỰC ĐỀ XUẤT ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng 8 năm 2026 của UBND xã Ia Chim)

STT	Điểm góc	Tọa độ 1080 30'		Tọa độ 1070 30'		Hiện trạng	Diện tích đấu giá (ha)	Tài nguyên dự báo (m3)	Thời gian dự kiến đấu giá	Ghi chú
		X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)					
I	THAN BUN									
1	Xã Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi									
	1	1580866,20	490570,76				12,8			SH diện tích QH (194), ban hành kèm theo Quyết định 788/QĐ- UBND
	2	1581042,73	490789,13							
	3	1581242,07	491092,55							
	4	1581327,70	491261,73							
	5	1581451,24	491359,51							
	6	1581456,12	491531,01							
	7	1581333,33	491432,74							
	8	1581157,64	491293,37							
	9	1581143,89	491175,34							
	10	1580803,11	490614,62							
2	Xã Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi									
	1	1579265,41	492335,91				4,06			SH diện tích QH (189), ban hành kèm theo Quyết định 788/QĐ- UBND
	2	1579286,88	492432,56							
	3	1578899,57	492510,03							
	4	1578874,94	492406,56							
II	CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG									
1	Sông Đăk Bla, xã Ya Ly, xã Ia Chim, xã Ngọc Bay									
	1	1587659,55	491425,45				10			SH diện tích QH (181), ban hành kèm theo Quyết định 788/QĐ- UBND
	2	1587613,58	491502,36							
	3	1587592,57	491548,57							
	4	1587576,87	491648,29							
	5	1587600,88	491707,39							
	6	1587670,50	491794,32							
	7	1587737,75	491855,67							
	8	1587928,58	491956,07							
	9	1588132,68	492039,75							
	10	1588179,05	491923,75							
	11	1588109,07	491891,51							
	12	1587757,91	491721,34							
	13	1587692,25	491641,71							
	14	1587675,76	491574,65							
	15	1587734,07	491464,36							